

Chương 1

CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN

Ba câu chuyện¹

Malaysia

Cách đây vài thập kỷ, khi Rachmina Abdullab chỉ mới 17 tuổi, cô đã làm những việc mà chưa có cô gái nào ở cùng làng trước đó đã từng làm. Cô rời khỏi gia đình của mình ở một nơi nghèo nàn nhưng xinh đẹp thuộc bang Kedah ở Malaysia. Ở đó người ta trồng lúa dưới thung lũng và rạch cây cao su lấy mủ trên những ngọn đồi gần đó, và làm việc trong một nhà máy điện tử ở thành phố Penang náo nhiệt, cách đó 75 dặm. Gia đình Rachmina nghèo kể cả là tính theo những tiêu chuẩn tối thiểu nhất của làng cô, và cha mẹ cô rất hoan nghênh cơ hội cho con gái kiếm sống và kể cả chuyện gởi tiền về giúp họ lo ăn lo mặc cho gia đình, giải quyết những trường hợp khẩn cấp, và nuôi năm đứa em của cô. Với những suy nghĩ này, họ gạt sang một bên những dè dặt về kế hoạch trước đây chưa từng nghĩ đến là để cho cô con gái chưa chồng một thân một mình lên thành phố làm việc.

Công việc của Rachmina là lắp ráp vi mạch ở một nhà máy của một công ty Nhật. Hằng ngày, cô kiên nhẫn hàn hàng trăm sợi dây nhỏ xíu vào những microchip làm bằng silic, dùng để chế tạo một tổ hợp vi mạch nhỏ. Công việc buồn tẻ, lặp đi lặp lại, được thực hiện với tốc độ cao và chính xác tuyệt đối. Sau một ngày dài làm việc nhọc nhằn, chỉ nghỉ giải lao một ít như thế, Rachmina có thể kiếm được một số tiền tương đương với 2.50 đô la.

Vì lương thấp, Rachmina và đồng nghiệp rất mong có cơ hội làm thêm ngoài giờ. Thường thì họ làm thêm hai hay ba tiếng một ngày, và bảy ngày một tuần. Đặc biệt họ thích làm việc vào chủ nhật và những ngày lễ vì lương được trả gấp đôi. Với tiền làm ngoài giờ và những khoản tiền thưởng không thường xuyên, Rachmina có thể kiếm được khoản 80 đô la mỗi tháng. Cô cùng thuê một căn nhà nhỏ với bảy công nhân khác trong một khu vực của dân chiếm ngụ. Với cách sống giản dị và không tốn kém đó hầu hết các cô gái trẻ để dành được từ 5 đến 20 đô la mỗi tháng để gởi về gia đình và nói chung là họ thích thú với cảm giác là lạ của cuộc sống tự do xa gia đình.

Năm năm sau, khi Rachmina đã tiết kiệm được tổng cộng \$400, cô quyết định trở về quê, và nhanh chóng kết hôn với một người đàn ông cùng làng, và ổn định cuộc sống. Rồi cô có hai em

¹ Ba chuyện kể dưới đây là hư cấu. Chuyện về Malaysia dựa vào Fatimah Daud, “Minah Karan.” Sự thật về những cô gái ở nhà máy Malaysia (Kuala Lumpur: Berita Publishing, 1985), và Kamal Salih và Mei Ling Young, “Thay đổi điều kiện lao động trong Công nghiệp bán dẫn ở Malaysia,” *Lao động và xã hội* 14 (1989), 59-80. Chuyện kể về Ethiopia và Ukraine dựa vào những thảo luận của chúng tôi với các chuyên gia đã sống và làm việc ở những quốc gia này. Những cá nhân có tên là đặt ra chứ không phải là người thật. Số liệu sử dụng trong ba đoạn minh họa này lấy từ *World Development Indicators online*

bé, như vậy là ít hơn so với các cô bạn cùng trang lứa sống trong làng mà không lên thành phố. Khoản tiết kiệm của cô đủ để chu cấp cho gia đình và gửi các con đi học ở trường làng.

Cơ hội làm việc trong một nhà máy điện tử của Rachmina đến bất ngờ vì vào thập kỷ 70, những nhà máy điện tử của Nhật và Mỹ chuyển vào khu vực chế biến xuất khẩu do chính phủ Malaysia thành lập. Tỷ lệ thất nghiệp trong nước cao, và chính phủ đặc biệt quan tâm tìm thêm công việc ngoài nông nghiệp ở thành phố cho dân Malaysia bản xứ.

Vào giữa thập niên 70', nhu cầu thiết bị điện tử phát triển nhảy vọt, và các công ty quốc tế đua nhau tìm kiếm những địa điểm ở nước ngoài nơi họ có thể hoạt động với chi phí thấp hơn. Những nước đầu tiên thừa hưởng sự di chuyển này là những nước Đông Á mới được công nghiệp hóa: Hong Kong, Singapore, Hàn Quốc, và Đài Loan, Malaysia, với cơ sở hạ tầng và lực lượng lao động nói tiếng Anh tốt, cũng thu hút những nhà đầu tư nước ngoài. Mặc dù lương thấp hơn mức lương được trả ở Nhật và Mỹ, nhưng vẫn cao hơn nhiều so với mức lương hầu hết dân Malaysia có thể kiếm được bằng công việc đồng áng, và người ta xếp hàng để mong có cơ hội nhận được những việc làm trong mơ này. Malaysia, trước đây được biết đến chủ yếu về xuất khẩu cao su, thiếc, và dầu cọ, nay đã trở thành một trong những nơi xuất khẩu lớn nhất thế giới về linh kiện điện tử và những hàng hóa sản xuất thâm dụng lao động khác. Một phần nhờ vào những hàng xuất khẩu này mà Malaysia trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới, và là một câu chuyện thành công hàng đầu về phát triển. Thu nhập của người Malaysia trung bình trên thực tế đã tăng *gấp bốn lần* giữa 1970 và 2003; tuổi thọ trung bình tăng từ 61 lên đến 73 tuổi, tỷ lệ trẻ sơ sinh tử vong trong số 100 trẻ giảm từ 46 xuống còn 7; và tỷ lệ biết chữ nhảy vọt từ 58% lên đến 90%.

Ethiopia

Ở một lục địa khác và cùng thời điểm Rachmina lên đường bắt đầu làm việc ở Penang. Getachew ra đời ở Ethiopia. Gia đình và họ hàng Getachew sống ở nông thôn ngoài Dese, một khu vực ở miền Amara luôn bị hạn hán và đi bằng xe buýt từ thành phố thủ đô Addis Ababa tới đó phải mất một ngày. Gia đình sống dưới một mái nhà tranh và một chút ít tài sản. Họ có một ít đồ dùng để nấu ăn, mấy cái mền và áo quần, một cái radio và một chiếc xe đạp. Các chị em của Getachew, mỗi ngày mất hai giờ đi lấy nước ở một con suối nhỏ bên ngoài ngôi làng. Ngôi làng không có lấy một con đường trải nhựa hay điện. Ngoài việc trồng *tef*, một vụ ngũ cốc tương tự như hạt kê, cả gia đình trồng rau, và hầu hết nhu cầu tiêu dùng của gia đình đều dựa vào việc sản xuất ấy. Đặc biệt gia đình hãnh diện về những con vật nuôi của họ. Cha của Getachew nuôi và buôn bán bò, kiếm được cho gia đình khoản thu nhập tiền mặt ít ỏi.

Getachew là đứa thứ năm trong tám đứa con, một đứa đã chết ngay khi ra đời, một đứa khác chết khi chưa đến ba tuổi. Getachew đi học được năm năm nhưng không liên tục. Có mấy năm, anh phải làm việc với cha và các anh của mình để chăm nom các vụ mùa và vật nuôi của gia đình. Những năm khác thì gia đình không có đủ tiền để may đồng phục và trả học phí, và chỉ có thể lo cho một hay hai đứa con đi học mà thôi. Bố mẹ dành ưu tiên cho những người anh của Getachew. Lên 16 tuổi, Getachew có thể đọc và viết cho dù không tốt lắm.

Getachew và gia đình đã trải qua những thời kỳ khó khăn. Mẹ của anh qua đời không bao lâu sau khi sinh đứa con cuối cùng. Điều này, một phần, do tình trạng sức khỏe yếu của bà cộng thêm cái

hạn hán và nạn đói năm 1984, lại phải sinh nhiều con nhưng không được chăm sóc hậu sản tử tế. Mặc dù thế giới quan tâm đến hoàn cảnh khó khăn năm đó của Ethiopia nhưng việc cứu trợ cho đất nước này quá trễ. Khu vực bị ảnh hưởng bởi hạn hán và thiếu lương thực nghiêm trọng từ đó. Tình hình chính trị rối ren vào năm 1991 đã đem đến nhiều bất ổn, ngay cả ở miền quê. Ngôi trường làng năm ấy phải đóng cửa vì giáo viên đã trở về sống ở thủ đô. Vật giá leo thang trong khi cha của Getachew kiếm không được nhiều để nuôi những con bò của ông. Vào năm 1998, chiến tranh bùng nổ giữa Ethiopia và nước láng giềng Eritrea nhưng may thay Getachew đang sống cùng với anh trai ở Addis lúc đó và đã tránh được chế độ quân dịch. Tuy nhiên, một số bạn bè của anh bị gọi nhập ngũ. Một người bạn bị mất một chân trong chiến tranh và trở về nhà nhưng không còn giúp được nhiều trong việc chăm sóc các vật nuôi. Một người khác hiện giờ bị nhiễm AIDS và, không được chữa trị, nên luôn bị bệnh và có lẽ không sống được lâu.

Anh trai thứ hai của Getachew là tài xế xe tải, thỉnh thoảng phụ giúp hàng hóa và tiền bạc cho gia đình. Getachew đi cùng anh trai đến Addis Ababa và sống ở đó một thời gian, chỉ tìm được những công việc không ổn định. Cuộc sống khó khăn ở thành phố có khi còn khó khăn hơn ở miền quê. Trở về nhà mọi người cũng sống như vậy. Ở Addis, nhiều người có tiền để tiêu xài trong khi Getachew thì không. Khi cha của anh bị bệnh lao, Getachew trở về nhà để giúp gia đình. Anh thích lập gia đình nhưng đất đai trong làng càng trở nên khan hiếm và không biết khi nào anh mới có thể lo được cho gia đình của riêng mình.

Cuộc đời của Getachew rất giống cuộc đời cha anh đã trải qua và cũng giống như hầu hết cuộc đời của người dân Ethiopia và nhiều người dân châu Phi khác. Thu nhập bình quân đầu người vào năm 2003 cũng cùng mức như năm 1981. Trong những năm ở khoảng giữa thời gian này, thu nhập có khi tăng có khi giảm nhưng nhìn chung, kinh tế trì trệ là đặc điểm của quốc gia này. Tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh giảm, theo dự đoán, từ 160 trẻ/1000 trẻ vào năm 1970 còn 112 trẻ/1000 trẻ vào năm 2003, nhưng tuổi thọ vẫn chỉ ở mức 42 tuổi. Cuộc bầu cử toàn quốc năm 2005 là một dấu hiệu của sự chuyển hướng sang một chính phủ dân chủ hơn, nhưng Getachew và hàng triệu dân Ethiopia khác không chắc điều này sẽ cải thiện cuộc sống của họ hay không.

Ukraine

Không như Getachew hay Rachmina, Viktor và Yulia tương đối được học nhiều hơn. Cả hai ra đời ở L'viv ở miền tây Ukraine, cách thủ đô Kyev khoảng 300 dặm. Họ tốt nghiệp cấp hai vào năm 1980 và tiếp tục học thêm vài năm nữa ở một cơ sở đào tạo bách khoa địa phương và đó là nơi họ gặp nhau. Viktor học kỹ thuật và Yulia học vẽ kiến trúc. Sau khi hoàn thành việc học của mình họ kết hôn và Viktor bắt đầu làm việc ở một nhà máy thủy tinh địa phương. Yulia làm cho một chi nhánh của thành phố. Như những trường hợp khác trong thời đại Xô-viết, hai vợ chồng chuyển vào một căn hộ một phòng ngủ nơi cha mẹ của Yulia sống. Viktor và Yulia có một tủ lạnh và những dụng cụ làm bếp khác, một ti vi, đồ đạc, vài nhạc cụ, nhiều sách và một điện thoại. Họ đi nghỉ mát, thường đến một “khu điều dưỡng” được nhà nước trợ cấp trong vùng núi Carpathian ở tây nam Ukraine. Con gái của họ, Tetiana, ra đời năm 1986 và Yulia được phép nghỉ đẻ.

Cách sống của Viktor và Yulia trong thập niên 1980 chắc chắn là vừa phải so với tiêu chuẩn châu Âu hay Mỹ. Họ có được một ít hàng xa xỉ nhưng hầu hết mọi nhu cầu hàng ngày đều đáp ứng được. Thường thì họ phải sắp hàng dài ở các cửa hàng nhà nước để mua những mặt hàng

chủ yếu như bánh mì, dầu ăn, sữa, và đường. Họ cũng có mảnh vườn riêng để trồng hoa, cây ăn trái, và rau. Thịnh thoảng họ mua hàng ở chợ đen (thực ra là không hợp pháp nhưng cũng không bị cấm đoán) xuất xứ từ Ba Lan. Y tế và nhà trẻ được cung cấp rộng rãi.

Như nhiều dân Ukraine thiểu số khác ở L'viv, Viktor, Yulia, và cha mẹ của cô ao ước đất nước được độc lập. Họ nói và duy trì tiếng mẹ đẻ của mình cho dù ngôn ngữ chính thức của Liên bang Xô Viết là tiếng Nga. Ngoài những điều học được về chủ nghĩa dân tộc, họ nghĩ cuộc sống của họ sẽ tốt hơn trong một nền kinh tế ít tập trung hơn nhưng họ lại không hề biết hậu quả nghiêm trọng của sự tan rã của liên bang Xô Viết sắp diễn ra.

Ukraine độc lập vào tháng 12 năm 1991 với 90% cử tri ủng hộ cuộc trưng cầu dân ý về độc lập. Những lễ hội đường phố và những bài phát biểu phấn khởi về tự do đã đánh dấu sự kiện này. Tuy nhiên độc lập cũng có mặt tiêu cực của nó. Thương mại với Nga sụp đổ và cùng với nó là các đơn đặt hàng với nhà máy thủy tinh nơi Viktor làm việc. Viktor được trả lương ngày càng ít hơn. Một điệp khúc phổ biến khắp Liên bang Xô viết trước kia là “họ giả vờ trả lương cho chúng ta và chúng ta giả vờ làm việc.” Ukraine phụ thuộc vào nguồn năng lượng từ Nga nhưng lại không có ngoại hối để thanh toán. Nhiên liệu của Nga xuất khẩu ít đi và nhiều người dân Ukraine phải chịu đựng mùa đông lạnh lẽo, không đủ nhiệt trong nhà hay trong phòng làm việc. Sự quản lý kinh tế trong nước yếu kém dẫn đến lạm phát phi mã trong thời gian từ 1993-1994, giá cả tăng lên gần đến 5.000%. Lạm phát tăng nhanh phá hủy sức mua của những người ăn lương hưu, như cha mẹ ngày càng lớn tuổi của Yulia, và những người khác sống bằng thu nhập cố định. Hệ thống y tế tan rã. Thuốc men đôi lúc phải mua ở thị trường chợ đen, và người ta không bao giờ biết là thuốc có hiệu nghiệm hay không. Cuộc sống trở nên khắc nghiệt với nhiều lo âu, áp lực, và một tương lai bất trắc.

Người dân Ukraine hy vọng sau khi độc lập đầu tư nước ngoài sẽ chảy vào đất nước của họ. Nhưng không phải vậy. Người nước ngoài thường nhìn vào những gì đang có ở trong nước và thấy công nghệ hiện hữu thì lạc hậu, sản phẩm chất lượng kém, và tham nhũng tràn lan. Thay vì mua nhà máy ở nước ngoài, các quan chức của công ty thường lột sạch bất cứ tài sản nào mà các nhà máy có và giữ tiền thu được cho bản thân. Thu nhập bình quân đầu người vào năm 1998 chỉ còn bằng 40% của thời cao điểm trước khi thời kỳ chuyển tiếp vào năm 1989. Năm 2003 thu nhập tăng hơn phân nửa mức dự kiến của năm 1989. Tuổi thọ kỳ vọng của đàn ông Ukraine từ 66 tuổi vào năm 1985 giảm xuống còn 63 tuổi vào năm 2003.

Viktor là một trong những người Ukraine đã trải qua những khó khăn của thời kỳ chuyển đổi. Anh không thể thích nghi được với hoàn cảnh đang thay đổi và không bao giờ tìm được một công việc mới. Hầu hết thời gian anh ở nhà, làm nghề thợ mộc và thỉnh thoảng làm những việc vặt khác. Sức khỏe của anh yếu do hút thuốc quá nhiều và Yulia tin rằng còn do môi trường nguy hiểm của nhà máy thủy tinh nữa. Nhiều bạn của Viktor ở nhà máy cũng có cùng tình trạng sức khỏe như thế, một số người đã chết sớm. Yulia đang cố giữ cho mái ấm gia đình toàn vẹn. Cô tự nghĩ ra cách để xoay sở. Cô vẫn còn làm việc ở một cơ quan chính quyền của thành phố cho dù chả mấy khi được trả lương. Thay cho điều này, cô dùng nhiều thời gian ở nơi làm việc và ban đêm để vẽ sơ đồ cho những người Ukraine mới phát lên đang xây nhà nghỉ vào mùa hè và sửa chữa lại những căn hộ. Cô không thích bàn luận về nguồn gốc của những khoản tiền chi cho những nhà nghỉ này và cho công việc của cô.

Yulia và Viktor vẫn còn phải chăm sóc cho cha mẹ của Yulia và hết lòng lo cho con gái của họ. Họ lo cho Tetiana tiếp tục việc học và học thêm tiếng Anh, môn học mà họ xem là chìa khóa cho tương lai của nó. Cả gia đình được động viên nhờ thắng lợi cuối cùng của Viktor Yushchenko trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2004-05. Yushchenko, một nhà lãnh đạo có sức lôi cuốn vừa theo Tây phương vừa là một người Ukraine theo chủ nghĩa dân tộc, đã thắng cử dù có gian lận bầu cử rộng khắp và có cả âm mưu nhằm hại ông. Tổng thống mới và những gia đình như Yulia và Viktor còn gặp nhiều thách thức ở phía trước. Nhưng có nhiều lý do để hy vọng. Thương mại và đầu tư đang phát triển và ngày càng hội nhập với phương Tây cùng với một nền kinh tế Nga có sức sống mới. Tuy nhiên những vấn đề thâm căn cố đế như tham nhũng, phe cánh, cùng những định chế công ù lì vẫn còn tồn tại.

Phát triển và toàn cầu hóa

Ba “câu chuyện về phát triển” của Malaysia, Ethiopia và Ukraine là để tóm lược các kinh nghiệm của những quốc gia riêng lẻ suốt từ hai đến ba thập kỷ qua. Một số quốc gia, như Malaysia, đã từng trải nghiệm mức tỷ lệ tăng trưởng kinh tế chưa từng thấy, và đã đột ngột thay đổi đời sống của dân chúng nước họ. Ở một phần khác của thế giới, như Ethiopia và phần lớn của châu Phi vùng hạ Sahara, có rất ít thay đổi về mặt kinh tế và mức sống vẫn duy trì ít nhiều như vậy từ thế hệ này sang thế hệ kế tiếp. Nhóm quốc gia thứ ba trải qua một sự biến chuyển về bản chất từ hệ thống kinh tế này sang hệ thống kinh tế khác. Trong một số trường hợp, kể cả Ukraine, điều này dẫn đến một sự sa sút nhanh chóng và đột ngột trong mức sống mà gần đây chỉ mới bắt đầu hồi phục. Hiểu được nguyên nhân và hậu quả của những mô hình phát triển kinh tế khác nhau này là mục đích chính của sách giáo khoa này.

Tăng trưởng kinh tế, trì trệ và sự chuyển đổi, lần lượt đã tác động sâu sắc đến cuộc sống của Rachmina, Getachev, Viktor và Julia và trên 5 tỷ người ở các quốc gia đang phát triển những cá nhân này được dùng để làm tiêu biểu. Tuy nhiên, dù những hậu quả có khác nhau nhưng tất cả đều bị tác động bởi những thay đổi đầy kịch tính ở cả bên trong và bên ngoài biên giới của đất nước họ.

- Các hệ thống chính trị đã trải qua những thay đổi sâu sắc, đặc biệt từ sau chiến tranh lạnh. Nhiều nước có thu nhập thấp đã chọn hệ thống chính trị dân chủ từ những năm đầu của thập kỷ 1990. Mối quan hệ giữa những thay đổi chính trị này và tiến trình phát triển kinh tế, giảm nghèo đói, vẫn là một vấn đề lớn còn nhiều tranh cãi.
- Những thay đổi đáng kể về nhân khẩu học đã làm giảm tỷ lệ tăng dân số ở nhiều nước với mức tăng tương ứng của lao động trên tổng số dân, và sự giảm về số lượng trẻ em phụ thuộc. Trong tương lai, nhiều nước có thu nhập thấp hơn sẽ nhanh chóng thấy một phần lớn dân số của mình đến tuổi hưu, và điều này sẽ có ý nghĩa lớn đối với các chính sách về tiết kiệm, tổng thu nhập từ thuế, hệ thống lương hưu, và các phúc lợi xã hội.
- Tình hình lây lan của bệnh địa phương (endemic disease), đặc biệt là đại dịch HIV/AIDS, đe dọa quá trình phát triển ở nhiều nước. Ở gần một chục các nước châu Phi, có hơn một phần tư người lớn nhiễm HIV dương tính, và đại dịch này đang lan rộng ở Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, và những phần khác trên thế giới. HIV/AIDS, sốt rét, lao, và những căn bệnh khác đã gây thiệt hại nặng nề cho con người và những chi phí kinh tế đáng kể.

- Thương mại toàn cầu tăng nhanh cùng với sự giảm mạnh của chi phí truyền thông và vận chuyển đã làm các mạng lưới sản xuất toàn cầu trở nên phức tạp hơn nhiều. Thay vì sản phẩm được thực hiện từ A đến Z, tức là từ công đoạn đầu đến thành phẩm ở một địa điểm, thì giờ đây các công ty ở một nước chỉ chuyên về một khâu của quá trình sản xuất, và các công ty khác ở một quốc gia khác sẽ đảm nhiệm công việc khác. Đã có chuyển biến nhanh chóng từ hàng hóa sản xuất cho thị trường địa phương dưới sự bảo hộ của chính phủ sang hàng hóa theo hướng ngày càng hội nhập hơn với thị trường toàn cầu².
- Nguồn vốn di chuyển xuyên biên giới nhanh hơn nhiều so với cách đây vài thập kỷ. Nhiều công cụ tài chính và nguồn vốn tư nhân phức tạp hơn đã mở ra cơ hội cho các nước có thu nhập thấp tiếp cận nguồn vốn nước ngoài cho đầu tư địa phương. Tuy nhiên, ở một số nước, việc tự do hóa tài chính nhanh chóng dẫn đến khủng hoảng tài chính sâu sắc khi các thể chế tài chính địa phương yếu kém và vốn nước ngoài nhanh chóng bị rút đi.
- Thông tin và ý tưởng lan truyền khắp toàn cầu nhanh hơn nhiều so với trước đây. Kỹ thuật truyền thông đã tạo những cơ hội mới cho các nước có thu nhập thấp tạo việc làm trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ thông qua vệ tinh và thông qua internet, như kế toán, nhập số liệu, hay hỗ trợ qua đường điện thoại.

Nhiều nội lực đang vận hành đằng sau những thay đổi này. Quan trọng nhất là tiến trình toàn cầu hóa. **Toàn cầu hóa** là một từ được nhiều người khác nhau sử dụng và không chỉ bao gồm kinh tế học mà thôi. Nhà kinh tế học Jagdish Bhagwati của đại học Columbia định nghĩa *toàn cầu hóa kinh tế* là hội nhập các nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế quốc tế qua thương mại hàng hóa và dịch vụ (như du lịch), đầu tư nước ngoài trực tiếp, dòng vốn ngắn hạn, sự cơ động của con người trên thế giới, và sự lưu chuyển công nghệ. Toàn cầu hóa cũng có những khía cạnh phi kinh tế quan trọng, bao gồm hội nhập chính trị, thông tin liên lạc, và văn hóa. Nó không phải là một hiện tượng mới: những chuyến hành trình trước đây của Ferdinand, Magellan, Christopher Columbus, Zheng He, Marco Polo, và những người khác đã mở ra giai đoạn đầu tiên của toàn cầu hóa, và giai đoạn cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 chứng kiến sự hội nhập toàn cầu tăng lên cho đến khi quá trình này bất ngờ chấm dứt do Chiến tranh Thế giới lần thứ I bùng nổ. Tuy nhiên kỷ nguyên hiện tại liên quan đến nhiều nơi trên thế giới hơn và ảnh hưởng đến nhiều con người hơn so với những giai đoạn trước kia.

Những khuynh hướng toàn cầu rộng rãi này và những câu chuyện về những cá nhân như Rachmina, Getachev, Viktor, và Yulia nêu lên nhiều vấn đề chủ yếu của tiến trình phát triển kinh tế sẽ đề cập trong cuốn sách này. Ai được lợi từ đầu tư nước ngoài và hội nhập với mạng thương mại toàn cầu và ai bị thiệt? Các chính phủ xúc tiến đầu tư, công nghiệp hóa và xuất khẩu như thế nào? Sự dịch chuyển từ nông nghiệp sang sản xuất ảnh hưởng đến phần lớn dân chúng vẫn còn tính chất nông thôn và nghèo nàn ở các nước đang phát triển như thế nào? Nhà nước giáo dục cho dân và bảo vệ sức khỏe của họ, làm cho họ trở thành người lao động hữu ích ở những ngành

² Malaysia rõ ràng đã có lợi từ quá trình này, trong khi ít nhất trong ngắn hạn, Ukraine đã bị tác hại. Ngay cả dân Ethiopia ở nông thôn, những người làm nông nghiệp tự cung tự cấp cũng không bị các ly khỏi những biến cố kinh tế toàn cầu. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á vào cuối thập niên 90s là một ví dụ. Cuộc khủng hoảng dẫn đến một sự suy giảm đột ngột trong cầu của giày, túi xách, và những mặt hàng khác làm bằng da. Đến lượt điều này hạ thấp cầu và giá của da thú chưa thuộc, một mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Ethiopia, và làm giảm thu nhập tiền mặt của dân Ethiopia ở nông thôn, những người có lẽ không có khái niệm tại sao giá da thú họ nhận được lại bị giảm.

công nghiệp nối liền toàn cầu và tiên tiến hơn như thế nào? Cuốn sách này khảo sát tỉ mỉ nền kinh tế của các quốc gia này và những vấn đề khác để tìm hiểu tại sao một số quốc gia phát triển nhanh chóng trong khi những quốc gia khác dường như không phát triển gì cả. Hãy nhớ, trong mỗi quốc gia là những con người như Rachmina, Getachev, Viktor, và Yulia, những người có cuộc sống bị ảnh hưởng sâu sắc khi quốc gia của họ tiến lên con đường phát triển kinh tế.

Những nước nghèo và giàu

Những quốc gia mà cuốn sách này trình bày được gọi bằng nhiều thuật ngữ khác nhau. Cách phân loại phổ biến nhất là sắp xếp tất cả những quốc gia liên tiếp nhau, dựa vào mức độ phát triển của chúng. Vì thế, chúng ta sẽ bàn về sự khác nhau giữa các nước kém phát triển và các nước phát triển, các nước ít nhiều có phát triển, hay để nhìn nhận sự thay đổi liên tục ở những quốc gia **đang phát triển** và **phát triển**. Mức độ lạc quan về phát triển ẩn ý ở *những quốc gia đang phát triển* và từ viết tắt LDCs của “less-developed countries” dành cho những nước kém phát triển, làm hai cụm từ này được sử dụng rộng rãi nhất, mặc dù *phát triển* có nghĩa là tiến trình phát triển đã hoàn tất ở những quốc gia giàu có hơn³. Những quốc gia giàu hơn thường được gọi là **những quốc gia công nghiệp phát triển**, mang nghĩa phát triển kết hợp với công nghiệp hóa. Một số nền kinh tế của châu Á, Đông Âu, và châu Mỹ La-tinh có sản lượng công nghiệp đang tăng nhanh chóng, đôi khi được gọi là **những nền kinh tế mới nổi**. Những nước có thu nhập cao nhất đôi khi được xem là những quốc gia sau công nghiệp (postindustrial countries) hay những nền kinh tế dựa vào dịch vụ, vì các dịch vụ (tài chính, nghiên cứu và phát triển, y tế..v.v), phi sản xuất, chiếm phần ngày càng tăng nhanh nhất và lớn nhất của các nền kinh tế của họ

Từ việc tách thành hai nhóm giàu-nghèo đơn giản dựa trên mức thu nhập, Ngân hàng Thế giới⁴ đã cải tiến thành một phân-loại-4-phân:

- **Những nền kinh tế có thu nhập thấp**, có thu nhập trung bình ít hơn 765 đô la trên đầu người vào năm 2003, chuyển sang đô la theo tỷ giá hối đoái hiện hành.
- **Những nền kinh tế có thu nhập trung bình thấp**, với thu nhập giữa 765 đô la và 3.035 đô la.
- **Những nền kinh tế có thu nhập trung bình cao**, với thu nhập giữa 3.035 đô la và 9.385 đô la.
- **Những nền kinh tế có thu nhập cao**, hầu hết là những thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) với thu nhập trung bình trên 9.385 đô la trên đầu người.

³ Những chữ viết tắt LDCs ban đầu cũng đã được sử dụng, đặc biệt là Liên Hiệp Quốc, để đặt tên cho “những quốc gia ít được phát triển nhất,” (least-developed countries) những quốc gia có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất (trong số những đặc điểm khác).

⁴ Ngân hàng Thế giới, chính thức là Ngân hàng Quốc tế về Xây dựng và Phát triển (IBRD), vay tiền của thị trường vốn tư nhân ở những quốc gia phát triển và cho những quốc gia đang phát triển vay và, qua sự sáp nhập của nó, Hội phát triển Quốc tế (IDA), nhận được những đóng góp từ chính phủ của các quốc gia phát triển và cho những nước có thu nhập thấp vay với lãi suất rất thấp với thời hạn trả nợ dài. Ngân hàng, như nó thường được nói đến, có lẽ là một tổ chức phát triển có ảnh hưởng và quan trọng nhất thế giới. Vai trò của nó được khảo sát chi tiết hơn trong phần thảo luận về viện trợ nước ngoài ở Chương 14

Hai nhóm ngoại lệ không nằm trong cách phân loại này. Một số các nước xuất khẩu dầu như Brunei và Kuwait, có thu nhập thường ở mức cao, lại có nền kinh tế truyền thống hơn các quốc gia có thu nhập trung bình cao hay công nghiệp phát triển tiêu biểu. Nhiều nền kinh tế của các nước Đông Âu, bao gồm Nga và Ukraine, có thu nhập có thể cho là ở mức trung bình, mặc dù một số trong đó có thể gọi chính xác hơn là những nền **kinh tế chuyển đổi**, chuyển từ phát triển có kiểm soát sang phát triển theo-hướng-thị-trường.

Một từ thịnh hành trong thập kỷ 1980, đặc biệt tại các diễn đàn quốc tế, là *thế giới thứ ba*. Có lẽ cách tốt nhất để định nghĩa nó là cách loại trừ. Không kể những nền kinh tế công nghiệp phát triển (OECD) của Tây Âu, Bắc Mỹ và Thái Bình Dương (thế giới “thứ nhất”, cho dù hiếm khi gọi như thế) và những nền kinh tế công nghiệp hóa, trước đây là những nền kinh tế kế hoạch tập trung của Đông Âu (thế giới “thứ hai”); và những quốc gia còn lại tạo thành thế giới thứ ba. Thuật ngữ này ngày nay được sử dụng ít thường xuyên hơn. Vị trí địa lý của thế giới thứ ba dẫn đến sự phân biệt song song của miền **bắc** (thế giới thứ nhất và thế giới thứ hai) đối với miền **nam** vẫn còn phổ biến. Tuy nhiên miền nam hay thế giới thứ ba lại bao gồm nhiều quốc gia khác nhau, từ những nước xuất khẩu dầu giàu có cho đến những nước có thu nhập rất thấp, những nước nghèo tài nguyên.

Điều quan trọng là phải biết những thuật ngữ và sự phân loại này và nhận ra những ngoại lệ và sự không nhất quán, nhưng nếu nhấn mạnh quá nhiều vào chúng thì cũng không hay lắm. Không một hệ thống nào có thể bao hàm tất cả mọi mặt quan trọng của tiến trình phát triển và cung cấp một khuôn khổ có thể quản lý, nhất quán một cách hoàn hảo.

Tăng trưởng và phát triển

Trong khi các tên gọi được sử dụng để phân biệt một tập hợp các quốc gia này với một tập hợp các quốc gia khác có thể thay đổi, ta cũng phải thận trọng hơn với những từ mô tả bản chất tiến trình phát triển. Thuật ngữ *tăng trưởng kinh tế* và *phát triển kinh tế* đôi khi được sử dụng thay cho nhau, nhưng về cơ bản thì chúng khác nhau. **Tăng trưởng kinh tế** chỉ sự tăng thu nhập và sản phẩm quốc gia hay trên đầu người. Nếu sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong một quốc gia tăng lên, bằng bất cứ cách gì đó, và cùng với nó là thu nhập trung bình tăng, thì quốc gia đó đạt được “tăng trưởng kinh tế”. **Phát triển kinh tế** hàm ý nhiều hơn, đặc biệt là cải thiện sức khỏe, giáo dục, và những khía cạnh khác về phúc lợi của con người. Những quốc gia có thu nhập tăng nhưng tuổi thọ trung bình không tăng, không giảm tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh và không tăng tỷ lệ học vấn nghĩa là quốc gia đó còn thiếu một số khía cạnh quan trọng của sự phát triển. Nếu tất cả thu nhập tăng lên tập trung vào tay một tầng lớp thượng đẳng giàu có hay để dành cho những công trình lớn hay một thiết bị quân sự, thì sự phát triển này không đúng với ý nghĩa chúng ta muốn nói đến.

Phát triển cũng thường đi kèm với những thay đổi quan trọng trong cấu trúc của nền kinh tế, tiêu biểu như ngày càng có nhiều người chuyển từ sản xuất nông nghiệp ở nông thôn sang công việc được trả lương cao hơn và có cơ sở ở thành thị, thường là trong sản xuất hay dịch vụ. Tăng trưởng kinh tế mà không thay đổi cơ cấu thì thường là một chỉ báo của thu nhập mới tập trung vào tay của một số ít người. Những tình huống tăng trưởng mà không phát triển là những ngoại lệ chứ không phải là một qui luật, nhưng trên thực tế điều này đã xảy ra. Ví dụ, việc khám phá và phát triển mới đây của những mỏ dầu rất lớn ngoài khơi của Guinea Xích đạo đã tăng thu nhập

bình quân đầu người của quốc gia nhỏ trên bờ biển phía tây châu Phi này từ khoảng 700 đô la trong năm 1990 đến hơn 3.700 đô la. Vào năm 2003 Guinea Xích đạo có thu nhập bình quân đầu người có thể so sánh với thu nhập của Costa Rica; nhưng hai quốc gia này giống nhau chỉ có bấy nhiêu mà thôi. Mặc dù mức thu nhập bình quân đầu người cao bất ngờ nhưng vẫn có rất ít biến đổi về mức giáo dục thấp và tình trạng sức khỏe yếu kém, hay trong hoạt động kinh tế của phần lớn Guinea Xích đạo.

Hai trong số những thay đổi cơ cấu quan trọng nhất thường đi kèm với phát triển kinh tế là phần đóng góp của công nghiệp tăng lên cùng với phần đóng góp của nông nghiệp giảm xuống trong sản phẩm quốc dân và tỷ lệ dân chúng sống trong thành phố tăng nhiều hơn ở miền quê. Thêm vào đó, những quốc gia bắt đầu phát triển kinh tế thường trải qua những giai đoạn dân số tăng vọt, rồi sau đó chậm lại, trong thời gian này cơ cấu tuổi của quốc gia thay đổi đột ngột. Những mô hình tiêu dùng cũng mở ra khi người ta không còn tiêu hết thu nhập của mình vào nhu yếu phẩm mà thay vào đó chuyển sang hàng tiêu dùng lâu bền và thảnh thơi chi tiêu cho những dịch vụ và sản phẩm dành cho thì giờ nhàn rỗi. Nếu tăng trưởng chỉ có lợi cho một thiểu số giàu có, dù trong nước hay nước ngoài, thì đó không phải là sự phát triển. Chúng ta sẽ nói nhiều hơn về những cách định nghĩa khác của phát triển kinh tế trong chương 2.

Tăng trưởng kinh tế hiện đại, thuật ngữ được Simon Kuznets, người được giải thưởng Nobel, dùng để chỉ kỷ nguyên kinh tế hiện nay, để đối lại với ví dụ như, kỷ nguyên của chủ nghĩa tư bản thương nghiệp (merchant capitalism) hay kỷ nguyên của chủ nghĩa phong kiến. Kỷ nguyên tăng trưởng kinh tế hiện đại vẫn đang mở ra bởi vậy tất cả những đặc điểm của nó chưa rõ ràng, nhưng yếu tố then chốt là việc áp dụng khoa học vào những vấn đề về sản lượng kinh tế mà những vấn đề này lần lượt dẫn đến công nghiệp hóa, đô thị hóa và ngay cả tăng trưởng bùng nổ trong dân số. Cuối cùng, chúng ta nên luôn ghi nhớ rằng, mặc dù phát triển kinh tế và tăng trưởng kinh tế hiện đại liên quan nhiều hơn với sự gia tăng trong thu nhập bình quân trên đầu người hay sản phẩm, nhưng không có phát triển bền vững nào có thể diễn ra mà không có tăng trưởng kinh tế.

Quá trình phát triển

Chúng ta có thể hiểu biết được nhiều điều khi nghiên cứu kỹ Bảng 1-1 và Hình 1-1 cho đến 1-4 về bản chất của sự thay đổi cấu trúc trong phát triển và nhiều sự khác nhau bên trong thế giới đang phát triển. Những số liệu này hầu hết trích từ *Những Chỉ số Phát triển Thế giới* của World Bank và những cơ quan quốc tế khác.

Hai cột đầu tiên của Bảng 1-1 cho thấy hai cách đo lường khác nhau trong thu nhập của mỗi quốc gia. So sánh các thu nhập thì không dễ làm như ta tưởng vì nó đòi hỏi chuyển đổi thu nhập của mỗi quốc gia, trước tiên đo bằng đồng tiền địa phương của nó (như đồng rupi của Ấn Độ) thành một đồng tiền chung, tiêu biểu là đồng đô la Mỹ. Tuy nhiên sự dao động của tỷ giá hối đoái qua thời gian có nghĩa là những thu nhập bằng đô la, và những thứ bậc quốc gia, thường xuyên thay đổi, mặc dù bản chất thực của vấn đề – tức là phúc lợi thật của dân chúng – thay đổi rất ít. Một cách để thực hiện điều này là chuyển đổi giá trị sản lượng (hay thu nhập) của mỗi quốc gia thành một tập hợp giá chung. Thế nên, giá cắt tóc ở Ấn Độ thì cũng giống như giá cắt tóc ở Mỹ, và cũng như thế giá của một tấn lúa mì, một cái điện thoại, một cái xe hơi cũng như thế.

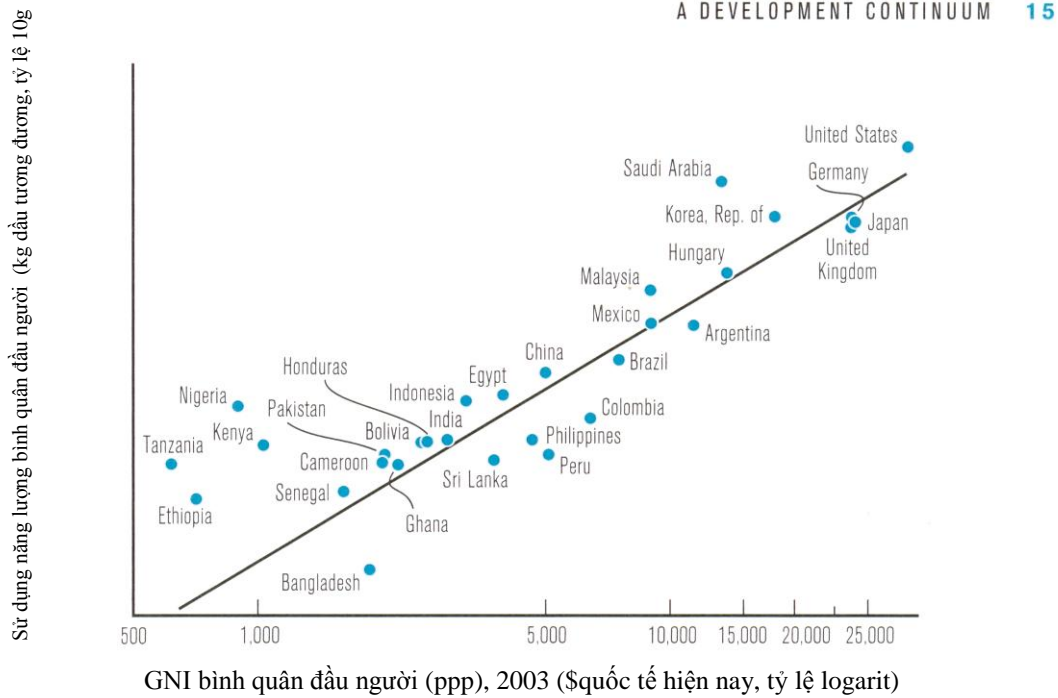
Cách so sánh những thu nhập trung bình này được gọi là **cân bằng sức mua**; hay phương pháp PPP. Nó sẽ so sánh chính xác hơn những thu nhập giữa các quốc gia và được thảo luận nhiều hơn ở chương 2 và được sử dụng suốt cuốn sách. Cột 1 của Bảng 1-1 cho thấy các quốc gia được xếp loại theo thứ tự đi lên tăng dần theo thu nhập tính trên đầu người (PPP). Cách đo thu nhập theo qui ước, được chuyển sang tỷ giá hối đoái của đô la, được biểu thị ở cột thứ hai để so sánh.

Một cách để tránh những vấn đề so sánh thu nhập là sử dụng những hình thức đo lường năng lượng vật chất. Mức tiêu thụ năng lượng bình quân đầu người của một quốc gia là một ví dụ. Hình 1-1 cho thấy việc sử dụng năng lượng mỗi đầu người tương quan chặt chẽ như thế nào với GDP bình quân đầu người. Một đặc điểm về cơ cấu nổi bật của phát triển là tỷ trọng của cả thu nhập có được từ công nghiệp lẫn lao động được sử dụng trong đó. Bảng 1-1 và Hình 1-2 phản ánh xu hướng nghịch này nơi tỷ trọng của dân cư ở khu vực nông thôn. Phần này giảm từ trung bình 70% ở các quốc gia có thu nhập thấp xuống chỉ còn 20% ở các quốc gia có thu nhập cao.

Bảng 1 – 1. Những đặc điểm phát triển của nhóm thu nhập và các quốc gia chọn lọc

NHÓM THU NHẬP VÀ QUỐC GIA	GNI BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI, PPP (US\$,	GNI BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI, (US\$,	SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG (KG ĐẦU TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI,	DÂN SỐ NÔNG THÔN (% CỦA TỔNG SỐ,	TUỔI THỌ KỲ VỌNG TÍNH TỪ LÚC SINH (CÁC NĂM,	TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN CỦA NGƯỜI LỚN (%)	
	2003)	2003)	2002)	2003)	2003)	NAM	NỮ
<i>Nhóm thu nhập</i>							
Thu nhập thấp	2,110	440	493	70	58	68	48
Thu nhập dưới trung bình	5,500	1,490	1,227	50	69	88	86
Thu nhập trên trung bình	9,990	5,440	2,232	25	74	90	90
Thu nhập cao	29,580	28,600	5,395	20	78	N.A	N.A
<i>Thu nhập thấp</i>							
Tanzania	620	300	408	65	43	85	69
Ethiopia	710	90	297	83	42	49	34
Nigeria	900	350	718	53	45	74	59
Mali	960	290	N.A	68	41	27	12
Kenya	1,030	400	489	64	45	90	79
Senegal	1,620	540	319	50	52	49	30
Bangladesh	1,870	400	155	73	62	50	31
Cameroon	1,990	630	417	49	48	77	60
Pakistan	2,040	520	454	66	64	53	29
Ghana	2,190	320	411	63	54	82	66
India	2,880	540	513	72	63	68	45
<i>Thu nhập dưới trung bình</i>							
Bolivia	2,490	900	499	36	64	93	81
Honduras	2,590	970	504	45	66	80	80
Indonesia	3,210	810	737	56	67	92	83
Sri Lanka	3,740	930	430	76	74	95	90
Egypt	3,940	1,390	789	57	69	67	44
Philippines	4,640	1,080	525	39	70	93	93
China	4,980	1,100	960	61	71	95	87
Peru	5,080	2,140	450	26	70	91	80
Colombia	6,410	1,810	625	24	72	92	92
Brazil	7,510	2,720	1,093	17	69	86	87
<i>Thu nhập trên trung bình</i>							
Malaysia	8,970	3,880	2,129	41	73	92	85
Mexico	8,980	6,230	1,560	25	74	93	89
Argentina	11,410	3,810	1,543	11	75	97	97
Saudi Arabia	13,230	9,240	5,775	13	73	84	69
Hungary	13,840	6,350	2,505	35	73	99	99
<i>Thu nhập cao</i>							
Korea, Rep of.	18,000	12,030	4,272	17	74	99	96
United Kingdom	27,690	28,320	3,824	10	78	99 (tổng dân số)	
Germany	27,610	25,270	4,198	12	78	99 (tổng dân số)	
Japan	28,450	34,180	4,058	21	82	99	99
United States	37,750	37,870	7,943	22	77	97	97

Nguồn: World Development Indications Database, 0-devdata.worldbank.org.luna.wellesley.edu/dataonline/, accessed May 2005;



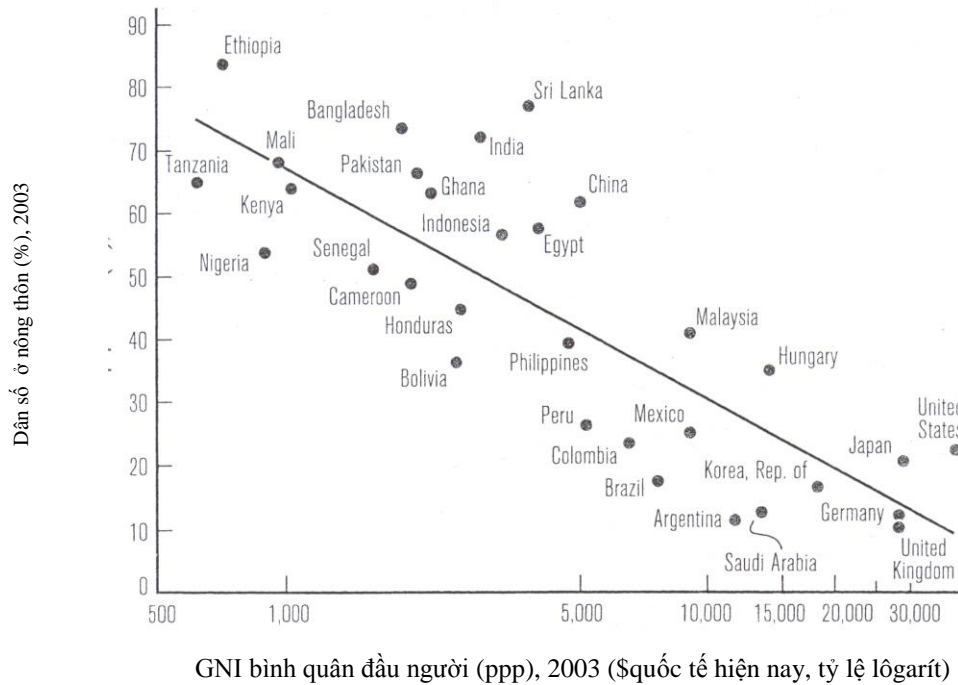
Hình 1-1. Tiêu dùng năng lượng bình quân đầu người

Nguồn: *World Development Indications Database*,

0-devdata.worldbank.org.luna.wellesley.edu/dataonline/, truy cập tháng 5, 2005.

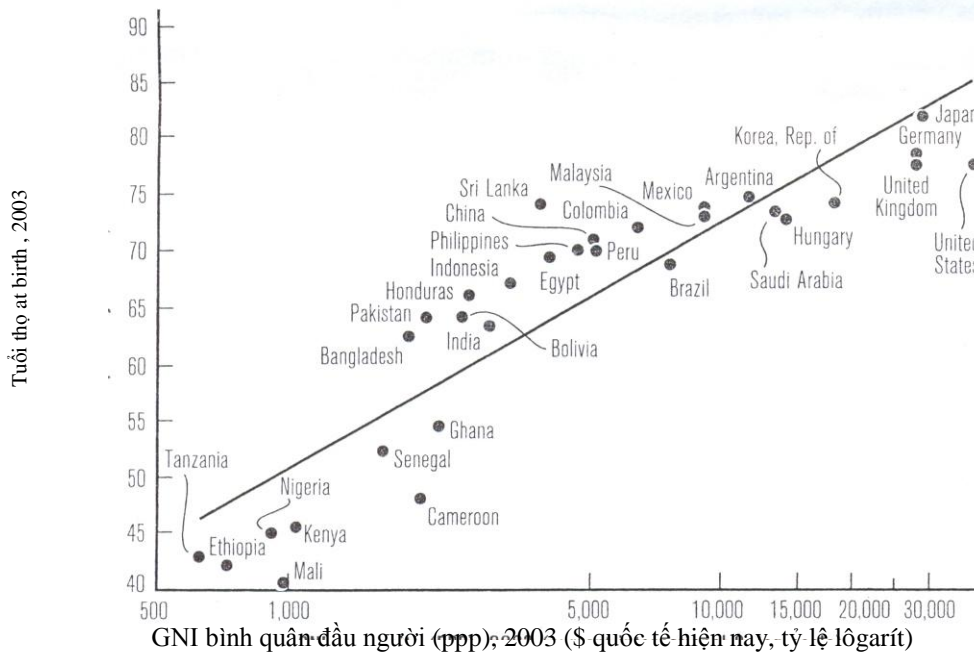
Bảng 1-1 cho thấy hai chỉ báo then chốt khác của phát triển: tuổi thọ và học vấn. Cả hai đều tương quan với thu nhập bình quân đầu người như biểu thị trong Hình 1-3 và 1-4. Tuổi thọ kỳ vọng, trung bình dưới 60 năm ở những nước có thu nhập thấp, tăng lên trung bình 78 năm ở những nước có thu nhập cao. Trình độ học vấn của người lớn, đặc biệt phụ nữ, cũng thay đổi mạnh mẽ như vậy. Ở một số nước nghèo nhất, chưa đến 1/3 phụ nữ 15 tuổi hoặc trên 15 tuổi là biết chữ. Những quốc gia có thu nhập trên trung bình tăng tỷ lệ học vấn trung bình lên 90% và ở những nước có thu nhập cao hơn 95% tất cả người lớn, tính chung đàn ông và phụ nữ đều có học.

Mỗi loại hình đều có biến thiên đáng kể và vì thế có một số ngoại lệ thú vị. Trung Quốc sử dụng nhiều năng lượng theo bình quân đầu người hơn những nước khác có cùng thu nhập, trong khi Philippines, với cùng mức thu nhập bình quân đầu người, thì lại sử dụng ít hơn nhiều (Hình 1-1). Số lượng người sử dụng năng lượng ở nông thôn Sri Lanka thì khoảng gấp hai lần của Bolivia, cho dù thu nhập bình quân đầu người của Bolivia thấp hơn nhiều (PPP, Hình 1-2). Người dân Trung Quốc và Sri Lanka cũng tương tự như người dân Hungary và Argentina, cho dù thu nhập của hai nước sau nhiều gấp hai hay ba lần so với các nước kia (Hình 1-3). Kenya, Indonesia, và Peru tất cả đều báo cáo tỷ lệ biết chữ của phụ nữ khoảng 80% nhưng những nước này có mức thu nhập bình quân đầu người khác nhau nhiều. Ghana và Pakistan có cùng mức thu nhập khoảng 2.100 đô la (PPP) nhưng 2/3 phụ nữ Ghana thì có học so với dưới 1/3 phụ nữ Pakistan (Hình 1-4).



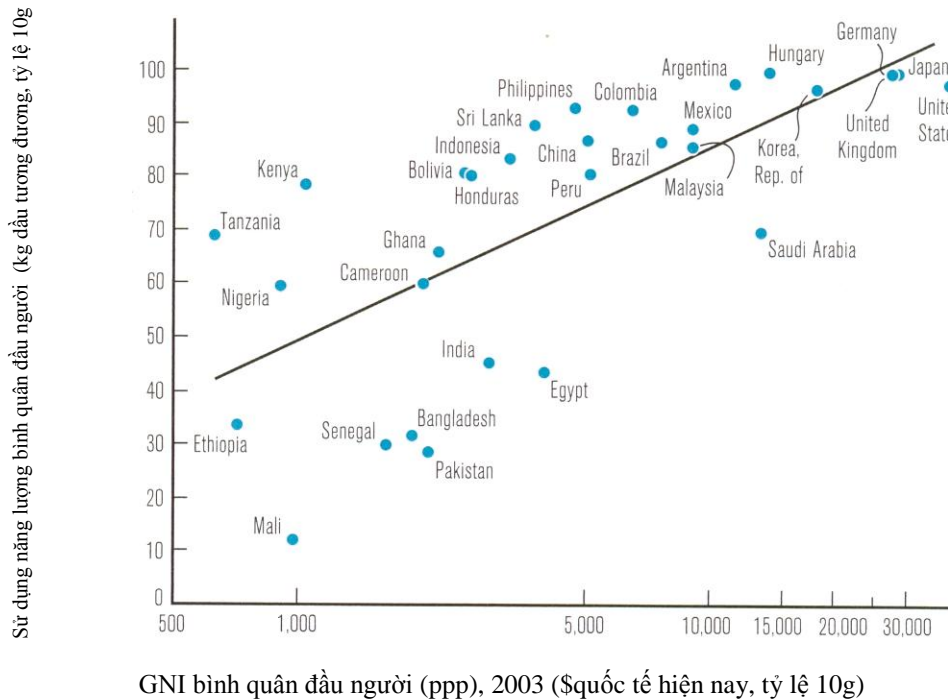
Hình 1-2. Dân số nông thôn

Nguồn: World Development Indications Database,
0-devdata.worldbank.org.luna.wellesley.edu/dataonline truy cập tháng 5, 2005.



Hình 1-3. Tuổi thọ kỳ vọng

Nguồn: World Development Indications Database,
0-devdata.worldbank.org.luna.wellesley.edu/dataonline/, truy cập tháng 5, 2005.



Hình 1-1. Tiêu dùng năng lượng bình quân đầu người

Nguồn: *World Development Indications Database*,

0-devdata.worldbank.org.luna.wellesley.edu/dataonline/, truy cập tháng 5, 2005.

Lướt qua lịch sử

Sự đa dạng về thu nhập và trình độ học vấn này là một phần của những khác nhau lớn hơn nhiều giữa những nước đang phát triển có nguồn gốc kinh nghiệm lịch sử khác nhau. Một đặc điểm then chốt của tăng trưởng kinh tế hiện đại là nó không bắt đầu đồng thời ở mọi nơi trên thế giới. Thay vào đó, tăng trưởng lan từ từ qua châu Âu và châu Mỹ nhưng, ngoại trừ Nhật, không diễn ra bên ngoài những khu vực chịu nhiều ảnh hưởng từ văn hóa châu Âu cho đến thập niên 50' và 60'. Ở những nơi khác trên thế giới tăng trưởng kinh tế chưa bắt đầu.

Ngay cả bên trong châu Âu trong thời gian khai sinh công nghiệp hóa, có những khác nhau rất lớn giữa các xã hội, và sự khác nhau này liên quan nhiều đến việc tại sao quá trình phát triển lại bắt đầu trước tiên ở Tây Âu và chỉ lan dần sang Đông. Ví dụ, ở Anh, người lao động được tự do thay đổi công việc và di cư đến những nơi xa và thương mại và ngân hàng đã đạt đến mức tinh vi phức tạp trong những thế kỷ trước cuộc cách mạng công nghiệp. Tuy nhiên, nước Nga ở giữa thế kỷ 19 vẫn còn phong kiến: Hầu hết nông dân đều gắn chặt với ruộng đất của chủ của họ suốt đời, và tài chính, công nghiệp và giao thông vẫn còn trong tình trạng ban sơ.

Ở châu Á, Mỹ La Tinh, và châu Phi, kinh nghiệm về văn hóa và chính trị đa dạng hơn những gì hiện hữu bên trong châu Âu. Những đế chế khổng lồ, như ở Trung Quốc và Nhật Bản, có kinh nghiệm trên 1.000 năm tự trị, và họ tự cho rằng mình là một dân tộc thống nhất và chỉ có một mà thôi, chứ không phải là một tập hợp của những bộ lạc hay những khu vực dân tộc riêng biệt. Với tiêu chuẩn cận đại, Trung Quốc và Nhật Bản cũng có sự đô thị hóa và thương

mại cao, và họ chịu ảnh hưởng của những giá trị Nho giáo, vốn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học. Nhiều năm dài tương đối ổn định đã góp phần tăng dân số dẫn đến sự thiếu hụt trầm trọng đất trồng trọt cho dân, tình trạng này vẫn tồn tại trong khu vực. Vì tình trạng tương đối phức tạp của thương mại thời cận đại ở Đông Á, châu Âu và Mỹ, các thương nhân khó có thể đóng một vai trò có ý nghĩa trong việc quản lý nội thương trong khu vực. Vì các nhà buôn Trung Quốc và Nhật Bản dần dần hiểu biết về các thị trường nước ngoài, họ cũng có thể cạnh tranh thành công với những đại diện của thế giới công nghiệp trong lĩnh vực đó nữa.

Ở bên kia của sự phân bố có tính chất lịch sử của những chính phủ tự trị thống nhất và tương đối phát triển về mặt thương mại là một số nước Đông Nam Á và hầu hết các nước châu Phi. Ví dụ, Indonesia và Nigeria, thực sự là những sự tạo dựng tùy tiện của chủ nghĩa thuộc địa Anh và Hà Lan, đã đưa những nhóm dân khác nhau không cùng chung ngôn ngữ, và không có lịch sử làm việc cùng nhau trong cùng một chính phủ, đến với nhau. Những nhóm dân đa dạng này không mong ước nhiều trong việc duy trì những biên giới áp đặt bên ngoài của các quyền lực thuộc địa. Kết quả là vào thập kỷ 50' ở Nigeria và thập kỷ 60' ở Indonesia đã diễn ra những cuộc chiến để giữ gìn quốc gia mới của họ. Tương tự như thế, những cuộc nội chiến đe dọa chia cắt đất nước ở Cộng hòa Dân chủ Congo và Sudan trong thập kỷ 1990 và trong thế kỷ 21. Ngay cả châu Âu cũng không thoát khỏi cuộc hỗn loạn chống phát triển này, như sự chia cắt Yugoslavia thành vài nước độc lập trong những năm cuối của thập kỷ 1990 cho thấy. Ngay cả Châu Âu cũng không thoát khỏi cuộc bất ổn phản phát triển này như đất nước Nam Tư bị chia cắt thành một số quốc gia độc lập cho thấy.

Kinh nghiệm về thương mại ở nhiều nơi của Đông Nam Á và châu Phi cũng khá hạn chế. Trong suốt thời kỳ thuộc địa ở Indonesia và vùng châu Phi hạ Sahara, ngoại thương và nội thương với qui mô lớn hầu như toàn bộ nằm trong tay của người châu Âu. Người địa phương đôi khi kiểm soát thương mại ở qui mô nhỏ, đặc biệt ở miền nông thôn, tuy nhiên thương mại với qui mô lớn thường ở trong tay những nhóm thiểu số nhập cư từ những quốc gia nghèo nhưng tiến bộ hơn trong lĩnh vực thương mại. Thế nên, nội thương của Đông Nam Á thì ở trong tay người Hoa ở địa phương. Ở miền đông châu Phi thương mại chủ yếu do dân nhập cư từ tiểu lục địa Ấn Độ quản lý; trong khi ở miền tây châu Phi, người Li-băng thường giữ vai trò chủ đạo, còn người địa phương vì thiếu kinh nghiệm nên không thể cạnh tranh hiệu quả với cả những nhóm nhập cư này lẫn người châu Âu; và vì không thể cạnh tranh họ không học hỏi được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực ngoại thương hay tài chính. Đây là một trong nhiều vòng lẩn quẩn rất chung đối với hoàn cảnh khó khăn của những nước nghèo.

Không phải tất cả kinh nghiệm của chủ nghĩa thực dân đều giống nhau. Ở Ấn Độ, một số rất nhỏ người Anh cai trị một tiểu lục địa đông dân rộng lớn. Vì diện kiện bắt buộc người Anh phải huấn luyện một số lớn người Ấn Độ để điều khiển mọi chuyện ngoại trừ những công việc ở cấp cao của bộ máy quan liêu và quân đội. Khi đất nước độc lập vào năm 1947, dân Ấn Độ đã có thể điều hành hầu hết công việc của mình vì họ có đủ nguồn nhân sự kinh nghiệm và được huấn luyện để sẵn sàng làm như thế. Ngược lại, Indonesia có chưa tới 1.000 học sinh tốt nghiệp đại học hay các trường sau trung học vào thời điểm đất nước độc lập, và Congo hầu như không có người nào. Trước khi được độc lập ngay cả các cấp thấp hơn của bộ máy quan liêu ở Indonesia là do người Hà Lan điều hành và những cấp đó ở

Congo thì do người Bỉ điều hành. So sánh với Ấn Độ và Trung Quốc trong thập kỷ 1940 hai nước này có hàng trăm ngàn sinh viên tốt nghiệp đại học.

Di sản lịch sử của châu Mỹ La tinh thì khác với di sản lịch sử của cả châu Á hay châu Phi. Hầu hết các khu vực đều dành được độc lập ngay vào đầu thế kỷ 19, không phải sau chiến tranh thế giới II như ở châu Á và châu Phi. Mặc dù có dân địa phương trong khu vực khi người châu Âu đầu tiên đến, nhưng thiếu số này đã bị giết, bị đàn áp, hay bị làm nô lệ. Thế nên, để đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng tăng, thành phần thượng đẳng quay sang dân nhập cư châu Âu và châu Phi cả bị ép buộc lẫn tình nguyện. Dân nhập cư Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha thì cai trị; còn dân châu Phi bị bắt làm nô lệ cho đến cuối thế kỷ 19. Hoặc bị bỏ quên hoặc bị gạt qua bên lề, tuy một số thổ dân vẫn còn sống sót nhưng số lượng thì không đồng đều. Peru và Bolivia duy trì được phần lớn dân bản xứ, trong khi ở Argentina, dân bản xứ hầu như biến mất.

Bắc Mỹ ở mạn trên sông Rio Grande cũng đầy dẫy dân nhập cư, những người bị dân địa phương đàn áp. Cả ở nam Mỹ lẫn bắc Mỹ, nô lệ chỉ sống ở một số khu vực mà thôi, nhưng có những khác biệt quan trọng giữa các loại nguyên tắc thuộc địa. Ở miền Bắc, dân bản xứ bị đàn áp nhiều hơn; do đó, nhóm này nhỏ và bị cô lập và họ không là một yếu tố khi tiến trình phát triển kinh tế bắt đầu. Dân nhập cư châu Âu đến từ những nơi tiên tiến nhất về mặt kinh tế, nơi những cấu trúc và giá trị phong kiến đã phần nào bị phá bỏ. Nhưng dân nhập cư Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đến từ một nơi, vào thế kỷ 19, là một trong những nơi lạc hậu hơn của châu Âu. Những giá trị và cấu trúc phong kiến vẫn còn ảnh hưởng đến khu vực đó đã theo chân những tên thực dân này đến Thế Giới Mới. Cũng như thế, có những khác biệt lớn bên trong châu Mỹ La tinh. Ví dụ, Argentina là một quốc gia phần lớn là dân nhập cư châu Âu; Mexico, Peru, và Bolivia có nhiều dân tộc thiểu số; một số ít dân Brazil và hầu như tất cả dân Haiti xuất thân là nô lệ châu Phi trước đó.

Không thể tóm tắt tất cả những điểm khác nhau quan trọng ở những quốc gia của thế giới đang phát triển, nhưng những nước với những mặt tốt nhất ở tiềm lực phát triển kinh tế hiện đại trong khu vực sẽ bao gồm những sự khác nhau giữa:

- Những quốc gia với một truyền thống lâu dài xem trọng giáo dục và tầng lớp thượng đẳng được giáo dục tốt, tương phản với những nước mà nạn mù chữ thì gần như phổ biến.
- Những quốc gia với những thể chế được phát triển khá vững mạnh và các hệ thống thương mại, tài chính, và giao thông, chủ yếu do người địa phương điều hành, so với những quốc gia mà những hoạt động này do những thiếu số người nhập cư châu Âu hay châu Á giữ độc quyền vào thời điểm độc lập.
- Những quốc gia do những người có cùng ngôn ngữ, cùng văn hóa và ý thức về bản sắc dân tộc so với những quốc gia có ngôn ngữ, văn hóa đa dạng và không có chung ý thức về bản sắc dân tộc hay cùng những mục đích chung.
- Những quốc gia có những truyền thống lâu đời và những thể chế tự trị so với những quốc gia mà mãi đến những thập kỷ 50 hay 60 vẫn không có kinh nghiệm tự trị dù là chỉ trong phạm vi hạn hẹp.

- Những quốc gia có địa lý bất lợi (ở giữa đất liền, biệt lập với những thị trường chủ yếu, sa mạc, đất nông nghiệp không phì nhiêu, khí hậu bất lợi, hay bệnh địa phương) so với với những quốc gia có địa lý thuận lợi hơn.

Nhiều con đường đi đến phát triển: Khái niệm về sự thay thế

Với sự đa dạng về kinh nghiệm của các nước đang phát triển, sẽ là một lời khuyên vô vọng khi đề nghị cách duy nhất để bắt đầu phát triển là tái tạo các loại điều kiện về chính trị, xã hội, kinh tế hiện có ở châu Âu hay Bắc Mỹ khi những nơi này đi vào tăng trưởng kinh tế hiện đại. Nước Anh trước cách mạng công nghiệp đã trải qua hàng thế kỷ kinh nghiệm với chủ nghĩa tư bản thương nghiệp. Nhưng như thế có nghĩa là Ghana hay Indonesia cũng phải có được kinh nghiệm lâu dài với chủ nghĩa tư bản thương nghiệp thì mới có khả năng phát triển kinh tế không? Nếu đi con đường đó thì những quốc gia này có lẽ còn phải chịu nghèo nàn thêm một thế kỷ hay dài hơn nữa.

May thay, chúng ta không cần một danh sách những rào cản chuẩn cần phải vượt qua hay những điều kiện tiên quyết khác phải có được cho sự phát triển. Những quốc gia thành công nhất đều có chung những đặc điểm nào đó: một chính phủ có năng lực, các thể chế vững mạnh và thị trường hoạt động hợp lý, những con người có giáo dục và khỏe mạnh, có thể làm việc và điều hành hiệu quả các công ty và những tổ chức khác xuất hiện trong quá trình phát triển. Tuy nhiên đi vào từng chi tiết về cơ bản là không giống nhau. Như nhà viết sử kinh tế Alexander Gerschenkron chỉ ra, kể cả những điều kiện được cho là tiên quyết nhất thường có những chiến lược để thay thế hay chọn lựa. Điểm chính của khái niệm này được minh họa tốt nhất bằng một ví dụ của công trình nghiên cứu của chính Gerschenkron⁵.

Vốn sản xuất cũng như lao động rất cần cho việc phát triển, nhưng Karl Marx và những người khác đã đi một bước xa hơn và tranh luận rằng phải có một sự tích lũy vốn ban đầu hay trước khi tăng trưởng có thể xảy ra. Ý tưởng này xuất phát từ kinh nghiệm của nước Anh, nơi mà các hoạt động giao thương, sự khai thác thuộc địa, các cuộc cướp bóc, và những yếu tố tương tự như vậy dẫn đến sự tích lũy của cải dồi dào vào cuối thế kỷ 19, và đã có thể chuyển thành đầu tư trong công nghiệp. Một sự tích lũy như thế có phải là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển ở khắp nơi không? Không có sự tích lũy vốn trước thì liệu có thể phát triển kinh tế không?

Ở châu Âu, câu trả lời rõ ràng là không. Mặc dù các quốc gia phải kiếm tiền để có thể đầu tư vào công nghiệp, nhưng những khoản tiền này không nhất thiết phải xuất xứ từ tài sản tích lũy trong quá khứ. Ví dụ, nước Đức có rất ít vốn tích lũy ban đầu khi tăng trưởng kinh tế hiện đại bắt đầu. Nhưng Đức có một hệ thống ngân hàng có thể thu hút vốn, từ đó tạo nên những nhà công nghiệp hóa. Các ngân hàng thu hút vốn như thế nào không phải là mối quan tâm của chúng ta ở đây; cái chính là các nhà đầu tư có thể tiếp cận những khoản tiền này, và tiền này không phải phụ thuộc vào sự tích lũy và tiết kiệm của các thương nhân hay những cá nhân giàu có khác từ nhiều năm trước.

⁵ Alexander Gerschenkron, *Economic Backwardness in Historical Perspective* (Cambridge, MA: Harvard University Press, 1962), Chapter 2.

Nước Nga ở thế kỷ 19 không có của cải tích lũy ban đầu cũng không có hệ thống ngân hàng có thể tạo ra những mức tín dụng đủ lớn. Thay vào đó, nước Nga quay sang áp dụng quyền đánh thuế của nhà nước. Chính phủ đánh thuế thân và sử dụng nguồn thu này để đầu tư vào công nghiệp. Nước Nga cũng nhập vốn từ nước ngoài. Thế nên, ở Nga, việc đánh thuế của chính phủ là một thay thế cho một hệ thống ngân hàng phát triển, và ở nơi khác thì một hệ thống ngân hàng hiện đại là một thay thế cho sự tích lũy vốn ban đầu.

Những ví dụ tương tự của những chiến lược thay thế như vậy có rất nhiều trong thế giới ngày nay. Ví dụ những nước châu Mỹ La tinh dựa rất nhiều vào những thể chế tài chính để huy động và phân phối những khoản tiết kiệm. Ngược lại, những nước châu Phi hạ Sahara dựa nhiều vào ngân sách chính phủ. Những nhà máy ở những quốc gia tiên tiến có hệ thống thương mại phát triển tốt thì dựa vào những nhà phân phối chủ yếu để cung cấp cho họ phụ tùng thay thế. Công nghiệp ở nông thôn Trung Quốc, nơi thương mại ít được phát triển, chế tạo phụ tùng thay thế ở xưởng đúc của riêng họ. Ngày nay, một số các nước ở thế giới đang phát triển có rất nhiều người được đào tạo và có kinh nghiệm trong những lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế, trong khi số lượng những người như thế ở những quốc gia khác, như đã đề cập đến, thì rất ít. Để bổ khuyết cho tình hình thiếu kinh nghiệm thì người ta thường nhập khẩu những người nước ngoài hay nhờ vào những cư dân không phải bản xứ có kinh nghiệm cần thiết. Người nước ngoài thường không phải là những người thay thế tốt cho những người ở địa phương có năng lực và kinh nghiệm, tuy nhiên nơi nào người địa phương bị thiếu, thì đôi khi họ có thể lấp khoảng trống cho đến khi những người có năng lực ở địa phương được huấn luyện.

Trong những chương tiếp theo, chúng ta sẽ không tìm ba hay bốn nguyên nhân phổ biến gây nên nghèo đói hay những điều kiện tiên quyết nào đó cần có sẵn trước khi có thể tăng trưởng. Thay vào đó, chúng ta cố gắng nhận dạng một số rào cản phổ biến ngăn chặn sự phát triển, và nhận thức rằng sự hiện diện của những rào cản này hay sự vắng bóng của một số “điều kiện tiên quyết” sẽ không làm cho một quốc gia phải bị trì trệ và nghèo đói. Sẽ vẫn có những cách hay những chiến lược thay thế cho bất cứ rào cản hay điều kiện tiên quyết riêng lẻ nào, tuy nhiên sự hiện hữu nhiều rào cản hay thiếu những tiền đề như mong muốn sẽ làm cho việc phát triển kinh tế khó khăn hơn, và trong một số trường hợp sự phát triển kinh tế sẽ không thể diễn ra.

Sự đa dạng của những thành tựu về phát triển

Mặc cho những khác nhau về lịch sử, chính sách, và thể chế, một số lớn những nước kém phát triển đã tăng trưởng về thu nhập từ năm 1965 hay 1980, và nhiều nước đã đạt được sự tăng trưởng đáng kể, như Bảng 1-2 cho thấy. Những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất, với thu nhập trên đầu người kể từ năm 1980 đã tăng 3% một năm hay hơn nữa, hầu hết là những nước ở châu Á: Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Korea, Malaysia, và Sri Lanka, ở trong bảng. Nhưng một số các nước không thuộc châu Á lại ở trong số những nước phát triển nhanh, gồm Botswana, Chile, Estonia, và Mauritius. Thực ra, từ 1965 đến 1995, Botswana, một nước nằm ở giữa đất liền ở miền nam châu Phi là nền kinh tế riêng lẻ phát triển nhanh nhất trên thế giới, phá bỏ ấn tượng bất di bất dịch rằng tất cả các nước châu Phi là những nước phát triển và tăng trưởng ít. Đồng thời vẫn có một số nước châu Á phát triển chậm hay không phát triển gì cả, bao gồm Myanmar (Miến Điện), Bắc Triều Tiên, và Papua New Guinea. Có nhiều ví dụ về những quốc gia có tăng trưởng thu nhập trên 2% một năm. Với mức tăng trưởng 2% hàng năm, thu nhập trung bình gấp đôi

trong 35 năm; với 4%, gấp đôi trong 18 năm. Ở hầu hết những nước này sản xuất tăng nhanh hơn tổng sản phẩm quốc nội và, vì vậy, chuyển những nền kinh tế này qua sự thay đổi cơ cấu không thể tránh được, điều này làm giảm tỷ trọng thu nhập được tạo ra và lao động được sử dụng trong nông nghiệp. Nhiều nước khác trải qua phát triển và tăng trưởng chậm hơn (mặc dù tích cực), có thu nhập tăng từ 1 đến 2 % một năm. Ở những nước khác thu nhập bị đình trệ hay bị giảm. Hầu hết những quốc gia trong nhóm sau này là ở châu Phi, mặc dù thu nhập cũng giảm ở nơi nào đó, gồm nhiều nền kinh tế chuyển đổi của Đông Âu và Trung Á.

Có lẽ những thay đổi đáng chú ý nhất ở những nước thu nhập thấp trong những thập kỷ gần đây là những cải thiện gần như toàn bộ các điều kiện y tế và giáo dục. Từ 1965 đến 2003, tỷ lệ tử vong của trẻ em giảm mạnh ở mỗi nước được liệt kê trong Bảng 1-3, gồm Ấn Độ, cứ 1.000 ca sinh nở thì tử vong giảm từ 150 xuống còn 63 và ở Bolivia thì từ 160 xuống còn 53. Điều đó có nghĩa là ở Bolivia, cứ 1.000 trẻ em thì có thêm 107 trẻ được sống để chứng kiến ngày sinh đầu tiên của mình! Số lượng học sinh được tuyển vào trường tiểu học gần như 100% ở những nền kinh tế có thu nhập trung bình và tăng mạnh ở hầu hết những nước có thu nhập thấp. Dù có một vài trường hợp ngoại lệ, ở những nước nghèo có hơn 3/4 trẻ em có thể được chọn đi học tiểu học.

Chúng ta có thể dễ bị quan về sự tiến bộ ở những nước đang phát triển, đặc biệt khi phải đối diện với những dự đoán ảm đạm về tăng trưởng kinh tế trong tương lai của các nước này

**BẢNG 1 – 2. Tăng trưởng dân số và sản lượng của một số nhóm thu nhập và quốc gia
1965 – 2003 (phần trăm/năm)**

NHÓM THU NHẬP (2003)	DÂN SỐ	DÂN SỐ	GDP TRÊN ĐẦU NGƯỜI	GDP TRÊN ĐẦU NGƯỜI	GIÁ TRỊ GIA TANG	GIÁ TRỊ GIA TANG,
VÀ QUỐC GIA	1965-80	1980-2003	1965-80	1980-2003	1965-80	1980-2003
<i>Nhóm thu nhập</i>						
Thu nhập thấp	2.5	2.2	1.2	2.1	5.3	4.6
Thu nhập trung bình thấp	2.1	1.4	3.8	2.2	6.9	4.3
Thu nhập trung bình cao	2.0	1.5	3.3	0.8	5.5	2.3
Thu nhập cao	0.9	0.7	3.0	2.1	2.2	2.3
<i>Thu nhập thấp</i>						
Tanzania	3.0	2.9	N.A	0.8	N.A	4.5
Ethiopia	2.6	2.6	N.A	0.1	N.A	1.1
Nigeria	2.8	2.8	3.3	0.2	12.3	1.5
Mali	2.1	2.5	2.1	0.6	1.7	5.5
Kenya	3.6	2.8	3.3	0.0	9.2	2.7
Senegal	2.8	2.7	-0.8	0.4	3.7	4.2
Bangladesh	2.5	2.1	-1.4	2.2	0.5	6.4
Cameroon	2.7	2.7	2.6	-1.7	7.1	0.2
Pakistan	3.1	2.5	1.9	2.1	6.4	5.4
Ghana	2.4	2.8	-1.0	1.3	1.4	3.5
India	2.3	1.9	1.2	3.6	4.0	6.1
<i>Thu nhập trung bình thấp</i>						
Bolivia	2.4	2.2	0.8	0.4	4.0	2.2
Honduras	3.1	2.9	1.9	0.1	6.2	3.5
Indonesia	2.4	1.6	5.0	3.7	11.5	6.6
Sri Lanka	1.9	1.2	2.5	3.2	4.6	5.5
Egypt	2.1	2.2	3.3	2.3	6.6	4.4
Philippines	2.8	2.3	2.7	0.3	7.3	2.0
China	2.2	1.2	4.2	8.1	9.6	11.5
Peru	2.8	2.0	1.0	-0.3	4.0	2.0
Colombia	2.5	2.0	3.1	1.3	5.6	2.9
Brazil	2.4	1.6	6.0	0.7	9.6	1.6
<i>Thu nhập trung bình cao</i>						
Malaysia	2.5	2.6	4.6	3.8	7.9	7.6
Mexico	3.0	1.8	3.0	0.6	6.4	2.8
Argentina	1.6	1.2	1.6	0.7	3.2	1.1
Saudi Arabia	4.5	3.7	8.3	-1.9	11.0	1.9
Hungary	04.	-0.3	4.6	0.9	N.A	0.4
<i>Thu nhập cao</i>						
Korea, Rep of.	1.9	1.0	6.3	6.0	13.7	8.0
United Kingdom	0.2	0.2	2.1	2.3	0.9	1.7
Germany	0.2	0.3	2.7	1.9	1.3	0.8
Japan	1.2	0.4	5.1	2.2	6.6	2.0
United States	1.0	1.1	2.1	2.1	1.4	2.6

Ghi chú: Tất cả tỷ lệ tăng trưởng được tính toán bằng cách làm cho thích hợp một đường xu hướng hồi quy tuyến tính. Hồi qui có dạng, $\ln X_1 = a+bt$, ở đó X là biến số, t thời gian. Dự kiến hồi qui của b là tỷ lệ tăng trưởng trung bình hàng năm của X.

Nguồn: World Development Indications Database, 0-devdata.worldbank.org.luna.wellesley.edu/dataonline/, accessed May 2005.

BẢNG 1 – 3. Tiến bộ về an sinh xã hội của các nhóm thu nhập ở một số nước

QUỐC GIA	TỶ VONG CỬ TRẺ SƠ SINH (CỦ 1.000 CA SINH CÒN SỐNG)			TUYỂN HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC (PERCENT)*		
	1965	2003	GIẢM	1965	2001	TĂNG
<i>Thu nhập thấp</i>						
Bangladesh	144	46	98	49	98	49
Cameroon	143	95	48	94	107	13
Ethiopia	149	112	37	49	64	15
Ghana	120	59	61	69	81	12
India	150	63	87	74	99	25
Kenya	112	79	22	54	96	42
Mali	207	122	85	24	57	33
Nigeria	177	98	79	32	96	64
Pakistan	149	74	75	40	68	28
Senegal	126	78	48	40	75	35
Tanzania	138	104	34	32	70	38
<i>Thu nhập trung bình thấp</i>						
Bolivia	160	53	107	73	114	41
Brazil	104	33	71	108	148	40
China	90	30	60	89	116	27
Colombia	86	18	68	84	110	26
Egypt	172	33	139	75	97	22
Honduras	128	32	96	80	106	26
Indonesia	128	31	97	72	111	39
Peru	130	26	104	99	120	21
Philippines	72	27	45	113	112	-1
Sri Lanka	63	13	50	93	112	19
<i>Thu nhập trung bình cao</i>						
Argentina	58	17	41	101	120	19
Hungary	39	8	31	101	101	0
Malaysia	55	7	48	90	95	5
Mexico	82	23	59	92	110	18
Saudi Arabia	148	22	126	24	67	43
<i>Thu nhập cao</i>						
Germany	25	4	21	N.A	100	N.A
Japan	18	3	15	100	101	1
Korea, Rep of.	62	5	57	101	102	1
United Kingdom	20	5	15	92	100	8
United States	25	7	18	104	98	-6

* Tỷ lệ nhập học gộp (gross enrollment ratios) là tổng số người nhập học bất kể độ tuổi trên tổng số nhóm tuổi tương ứng với tuổi đi học tiểu học. Tỷ lệ này lớn hơn 100 có nghĩa là trẻ em ở ngoài độ tuổi lẽ ra phải đi học vẫn còn nhập học.

Nguồn: World Development Indications Database, 0-devdata.worldbank.org.luna.wellesley.edu/dataonline/, accessed May 2005.

và chồng chất những vấn đề khó khăn ở đó. Để tránh nản lòng, người ta cần nhớ rằng ở một số nước ở châu Á đã có những phát triển kinh tế đáng kể và động lực tăng trưởng mạnh mẽ, và kể cả ở những nước nghèo nhất cũng có những cải thiện đáng phấn khởi về y tế và giáo dục. Thực vậy, hơn 20 nước chiếm nửa dân số trên thế giới là những nước vào năm 1960 có thu nhập thấp thì nay đã đạt hơn ba lần thu nhập thật của họ trong hai thế hệ trước.

Tuy nhiên, nghiên cứu phát triển kinh tế không phải chủ yếu là sự xem xét lại những gì đã làm được và chưa làm được trong quá khứ. Lĩnh vực này được quan tâm nhiều nhất là về tương lai, đặc biệt là tương lai của những người có ít-lợi-thế-nhất trên thế giới. Để hiểu rõ về tương lai, trước hết ta phải tìm hiểu là chúng ta đã đạt đến thời điểm hiện tại như thế nào, tuy nhiên tương lai cũng không phải là sự tua lại của quá khứ. Những thế lực và xu hướng mới đang vận động và sẽ định hướng tương lai đó. Ngày hôm nay có thể nhìn thấy rất rõ ràng một số động lực đó. Còn những động lực khác mà sẽ định hình tiến bộ kinh tế của các quốc gia trong tương lai thì bây giờ nếu có thấy được thì cũng chỉ mới thấp thoáng.

Bất cứ thay đổi nào của môi trường có thể làm cho tương lai của sự phát triển kinh tế khác đi so với quá khứ đều có lẽ nên bắt đầu bằng cuộc cách mạng về thông tin. Vai trò của truyền thông khắp thế giới được nâng cao rất nhiều, tiêu biểu là Internet đã đẩy mạnh dòng ý tưởng qua các đại dương và biên giới với mức độ chưa từng có trước đây, và giúp cho nhiều loại dịch vụ ở cách xa nơi những dịch vụ đó được sử dụng. Một văn phòng kế toán của một công ty kinh doanh của Mỹ có thể ở trong một tòa nhà ở Bangalore, Ấn Độ, chứ không phải là ở nơi giao dịch kinh doanh ở Chicago ít được biết đến. Chi phí vận chuyển thấp hơn, cùng với thông tin tốt hơn, đóng góp vào hệ thống sản xuất toàn cầu, và mở rộng thương mại và đầu tư toàn cầu. Dòng thông tin nhanh chóng cũng tác động vào chính trị làm cho những chế độ độc đoán trở nên khó khăn hơn trong việc kiểm soát những gì dân chúng của họ được phép biết. Một phần vì lý do này mà các chế độ dân chủ đang dần trở thành chuẩn tắc hơn là ngoại lệ ở những nước đang phát triển, và chúng ta có lý do để mong đợi rằng xu hướng này sẽ tiếp tục.

Không phải tất cả những xu hướng dự đoán được của tương lai đều tích cực. Tai họa về HIV/AIDS hủy hoại dân số trong các nước, đặc biệt ở những nơi khó khăn nhất châu Phi, nơi tuổi thọ thực sự đang giảm xuống. Ngày nay môi trường ngày càng xấu đi một cách nghiêm trọng so với cách đây một thế kỷ khi châu Âu và Bắc Mỹ ở trong những giai đoạn đầu của tăng trưởng kinh tế. Vì vậy sự nóng lên toàn cầu là một vấn đề rất có thể đóng một vai trò quan trọng trong tương lai của chúng ta, trong khi trước đây nó không đóng vai trò nào cả. Một thay đổi tích cực về môi trường là người dân trên khắp thế giới ngày càng nhận thức được mối nguy hiểm này nhanh chóng hơn so với trong quá khứ. Một quan ngại nữa là kỹ thuật tiên tiến và cuộc cách mạng thông tin đang mang lại lợi ích cho một số nhóm người trong xã hội, đặc biệt là thành phần được giáo dục tốt hơn, trong khi bỏ lại phía sau những nhóm lớn khác.

Một số thay đổi rất có thể xảy ra trong tương lai là tích cực, nhưng chúng vẫn tạo ra trở ngại cho một số người liên quan. Đặc biệt trong số này là sự lão hóa nhanh chóng của dân số ở các nước công nghiệp hóa. Một tiến trình lão hóa cũng đang diễn ra ở nhiều nước đang phát triển, nơi mà tỷ lệ chết và sinh con đều giảm xuống rõ ràng. Kết quả của sự **chuyển tiếp về nhân khẩu học** này, được thảo luận nhiều trong chương 7, là do tuổi thọ dài hơn cho người trung bình ở những quốc gia này - rõ ràng là một thay đổi tích cực. Tuy nhiên tỉ lệ dân số ở tuổi lao động trên tổng số người ở tuổi về hưu đang ngày càng nhỏ lại ở nhiều nước hơn, và điều đó để một gánh nặng

lớn lên những ai vẫn còn trong lực lượng lao động. Một nhóm các quốc gia sẽ không phải lo lắng về vấn đề này là những nước có tỷ lệ sinh đẻ vẫn còn cao và tuổi thọ kỳ vọng thấp. Tất nhiên là thà phải giải quyết vấn đề dân số lão hóa như thế này còn tốt hơn là không có vấn đề đó.

Có lẽ ngay cả chúng ta cũng không biết hết tất cả những động lực sẽ định hình sự phát triển kinh tế tương lai của các quốc gia. Ở cuối thế kỷ 19 không có ai nghe nói về năng lượng hạt nhân, DNA, hay mạch tích hợp. Trong thập niên 1970 không ai nghe nói về HIV/AIDS. Dựa vào tốc độ thay đổi trên thế giới hiện nay của thiên niên kỷ mới, những khám phá tương tự hay to lớn hơn sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến cách các nền kinh tế phát triển. Điều đó có nghĩa là chúng ta không thể dựa vào những khám phá trong tương lai để giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế và nghèo đói ở các nước. Chúng ta phải cố hiểu là làm cách nào các quốc gia trên thế giới đang đạt được như ngày nay, để từ đó chúng ta có thể nâng cao mức sống tốt hơn cho tất cả trong tương lai.

CÁC TIẾP CẬN SỰ PHÁT TRIỂN

Cuốn sách này không dành cho những độc giả đang tìm một giải thích đơn giản là tại sao một số nước vẫn còn nghèo hay làm cách nào để có thể vượt qua nghèo đói. Những giá sách trong các thư viện thì đầy những nghiên cứu giải thích làm cách nào để cho phát triển sẽ xảy ra nếu một quốc gia tăng số lượng tiết kiệm và đầu tư hay tăng cường nỗ lực xuất khẩu. Trong hai thập kỷ giữa thế kỷ 19, công nghiệp hóa qua việc thay thế nhập khẩu - thay thế nhập khẩu bằng hàng hóa sản xuất ở nội địa được nhiều người xem là con đường ngắn nhất để đi đến phát triển. Trong thập niên 1970, những kỹ thuật thâm dụng lao động, tái phân phối thu nhập, và sự cung cấp cho những nhu cầu cơ bản cho người nghèo đã được dư luận rộng rãi cho là những điều then chốt của sự phát triển. Bây giờ đa số các nhà kinh tế học khuyên các chính phủ nên dựa vào các thị trường để định giá và phân bổ nguồn lực và tránh những rào cản bảo hộ thương mại cùng với thay thế nhập khẩu. Nhưng cũng có nhiều người lập luận chống lại sự tác động của thương mại tương đối tự do và toàn cầu hóa đang tăng dẫn đến hậu quả là nhiều người mất việc làm. Đối với một số nhà phân tích còn có một vấn đề khác, đó là sự phát triển chỉ có thể xảy ra khi có sự dịch chuyển lớn về nguồn lực, dưới hình thức tài trợ của nước ngoài và đầu tư từ những nước giàu có nhất sang những nước nghèo nhất. Những nước khác xin tha nợ cho những nước nghèo vì họ khó trả được những khoản nợ đã vay trước kia.

Không có một yếu tố duy nhất nào là nguyên nhân của sự nghèo đói, và không có một chính sách hay chiến lược riêng lẻ nào có thể thúc đẩy tiến trình phát triển kinh tế phức tạp. Nhiều giải thích và giải pháp khác nhau cho vấn đề phát triển chỉ có ý nghĩa khi được đặt trong một bối cảnh thích hợp và không có ý nghĩa gì cả nếu đặt bên ngoài tập hợp tình huống đó. Sự huy động tiết kiệm là chính yếu trong việc tăng trưởng nhanh hơn ở hầu hết các tình huống nhưng đôi khi nó có thể là thứ yếu so với việc tái phân phối thu nhập, nếu cảnh nghèo cùng cực đe dọa sự ổn định chính trị hay ngăn cản sự huy động nguồn nhân lực. Thay thế nhập khẩu làm cho một số nước không đến gần được với phát triển kinh tế, nhưng đẩy mạnh xuất khẩu giúp những nước khác khi việc thay thế nhập khẩu làm sa lầy. Giá cả bị biến dạng tệ hại so với giá trị thực trên thị trường tự do có thể kiềm chế sự tăng trưởng, tuy nhiên loại bỏ những biến dạng đó chỉ dẫn đến phát triển nếu những điều kiện khác cũng được đáp ứng. Và cuối cùng là, ở đâu có các lãnh đạo vì những lợi ích phát triển mà cai trị đất nước thì chỉ đến khi họ cùng với tay chân của họ bị truất quyền thì mới mong có tăng trưởng xảy ra. May thay, đa số các nước đang phát triển đều có chính phủ muốn đẩy mạnh phát triển.

Cuốn sách này không trung lập đối với tất cả những vấn đề phát triển. Chúng ta sẽ tranh luận khi nào cần. Thực tế là các tác giả của cuốn sách này cũng bất đồng với nhau trong một số vấn đề về chính sách phát triển. Nhưng chúng tôi đều chia sẻ một quan điểm chung ở nhiều điểm cơ bản.

Cuốn sách này sử dụng bao quát những công cụ lý thuyết kinh tế học chủ đạo với niềm tin là những công cụ này góp phần đáng kể cho sự hiểu biết của chúng ta về những vấn đề phát triển và giải pháp của nó. Tuy nhiên, cuốn sách này không chỉ dựa vào lý thuyết. Trong suốt hơn năm thập kỷ, các nhà kinh tế học phát triển và những sử gia về kinh tế đã xây dựng thêm nhiều hiểu biết bằng thực nghiệm mà những lý thuyết này có thể được kiểm chứng, và cuốn sách này dựa nhiều vào những nghiên cứu do kinh nghiệm này. Chúng tôi cố gắng đưa ra những ví dụ có thật gần như cho tất cả những điểm chính trong cuốn sách này. Một phần, những ví dụ này lấy từ một quốc gia riêng biệt và những nghiên cứu đối chiếu với những quốc gia khác, dù chúng cũng được viết bao quát từ những kinh nghiệm riêng của chúng tôi khi nghiên cứu về những vấn đề phát triển trên khắp thế giới. Một số các tác giả đóng góp trong cuốn sách giáo khoa này, cả ấn bản hiện tại lẫn những ấn bản trong quá khứ, đã may mắn nghiên cứu và làm việc trong những thời gian dài ở Bolivia, Chile, Trung Quốc, Fiji, the Gambia, Ghana, Indonesia, Kenya, Hàn Quốc, Malaysia, Nepal, Peru, Samoa, Sri Lanka, Tanzania, Việt Nam, và Zambia. Thịnh vượng, ít nhất một quốc gia của nhóm này là ví dụ cho gần như tất cả những cách tiếp cận với sự phát triển hiện tại.

Mặc dù cuốn sách này dựa vào lý thuyết kinh tế tân cổ điển và cổ điển, quá trình phát triển liên quan đến những vấn đề lớn mà những lý thuyết kinh tế này không có câu trả lời hay cùng lắm là cũng chỉ trả lời phần nào đó thôi. Lý thuyết kinh tế có xu hướng lấy **những định chế** (sự hiện hữu của thị trường, một hệ thống ngân hàng, thương mại quốc tế, cơ cấu chính quyền..v.v.) là có sẵn. Tuy nhiên sự phát triển liên quan đến cách người ta tạo ra và tăng cường các định chế tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển ngay từ đầu. Ví dụ, làm thế nào một quốc gia có được sự quan tâm của chính phủ và có khả năng đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế? Những thị trường hoạt động hiệu quả có thể được tạo nên ở những nước đang thiếu chúng, hay nhà nước nên đảm nhận những hoạt động lẽ ra là của thị trường ở các nước khác không? Có phải một hệ thống tài chính hoàn toàn phát triển là tiền đề cho tăng trưởng, hay một quốc gia có thể tăng trưởng mà không có phần nào đó của một hệ thống như thế không? Cải cách ruộng đất có cần thiết cho phát triển, và nếu cần thì đó là cải cách ruộng đất theo kiểu gì? Hệ thống pháp lý nào cần thiết cho sự tăng trưởng dựa vào hỗ trợ của thị trường? Những vấn đề thể chế này và nhiều vấn đề như thế là trung tâm của quá trình phát triển? và sẽ xuất hiện lại dưới những hình thức khác nhau trong những chương tiếp theo.

NỘI DUNG CUỐN SÁCH

Cuốn sách này được chia thành bốn phần. Phần 1 xem xét những yếu tố chính, cả những yếu tố do lý thuyết kinh tế đưa ra và những yếu tố do việc điều tra bằng thực nghiệm hỗ trợ, góp phần giải thích tốc độ tăng trưởng khác nhau. Những thảo luận ở đây liên quan đến những chọn lựa chủ động của các chính phủ, bao gồm câu hỏi sự phát triển kinh tế nên được quản lý hay định hướng như thế nào, như trong cái mà chúng ta vẫn thường gọi là **sự đồng thuận Washington**, nhấn mạnh sự tin tưởng vào các thị trường, đối nghịch với những chỉ trích về “sự đồng thuận” đó.

Phần 2 đi xa hơn những vấn đề về tăng trưởng kinh tế và tập trung trực tiếp vào sự bất bình đẳng và nghèo đói. Vì phát triển kinh tế trước hết là một tiến trình bao hàm con người, vừa là những động lực đầu tiên vừa là những người thụ hưởng của sự phát triển.

Phần 2 viết về nguồn nhân lực được chuyển đổi trong tiến trình phát triển kinh tế như thế nào và cách chuyển đổi đó góp phần vào chính tiến trình phát triển ra sao. Những chương riêng lẻ được dành riêng cho chủ đề dân số, giáo dục, và y tế.

Đầu vào thuộc vật chất chủ yếu khác trong quá trình tăng trưởng là vốn. Phần 3 liên quan đến cách vốn được huy động và phân bổ cho những mục đích phát triển. Ví dụ, tiết kiệm do đâu mà có và cách chúng được chuyển sang đầu tư ra sao. Làm thế nào chính phủ huy động các nguồn lực để phát triển tài chính? Loại hình hệ thống phát triển tài chính gì thích hợp với việc tích lũy vốn nhanh? Lạm phát tăng cường hay cản trở tiến trình này và viện trợ nước ngoài và đầu tư sẽ đóng vai trò gì?

Đặc biệt, trong những giai đoạn đầu của sự phát triển, các quốc gia dựa rất nhiều vào nông nghiệp và vào xuất khẩu thực phẩm, nhiên liệu, và nguyên liệu thô. Phần 4 thảo luận các chiến lược tăng năng suất của những công nghiệp hàng đầu như một nhiệm vụ đầu tiên và liên tục để kích thích sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, cuối cùng, thì sự phát triển phụ thuộc vào công nghiệp hóa. Phần 4 cũng mở rộng thảo luận về phát triển công nghiệp, khảo sát tỉ mỉ về các chính sách ngoại thương đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa chế biến, xem xét những vấn đề về ổn định thị trường, và phân tích quản lý vĩ mô của một nền kinh tế đang phát triển mở ra thị trường thế giới.

TÓM TẮT

- 40 năm qua đã chứng kiến sự đa dạng của những kinh nghiệm phát triển khắp thế giới. Một số quốc gia, cả một số nước lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia đã trải qua tăng trưởng và phát triển nhanh. Những quốc gia khác, đặc biệt nhiều quốc gia ở châu Phi, đã trải qua sự trì trệ hay thậm chí giảm sút thu nhập. Hiểu được những điểm khác nhau từ những trải nghiệm này và những bài học cho tương lai là mục đích chính của cuốn sách này.
- Nhiều thuật ngữ khác nhau được sử dụng để phân biệt những quốc gia nghèo và những quốc gia giàu nhưng sách giáo khoa này chủ yếu sử dụng các thuật ngữ *những nền kinh tế đang phát triển* và *những nền kinh tế có thu nhập thấp* và *những nền kinh tế có thu nhập trung bình* để chỉ những quốc gia thực chất có thu nhập thấp hơn những quốc gia hậu công nghiệp và công nghiệp giàu nhất.
- Tăng trưởng kinh tế chỉ sự gia tăng trong tổng sản phẩm quốc dân (GDP) và tổng thu nhập; trong khi phát triển kinh tế liên quan đến những cải thiện về y tế và giáo dục và những thay đổi cơ cấu chính, như công nghiệp hóa và đô thị hóa. Một số quốc gia tăng trưởng kinh tế nhờ khám phá ra của cải khoáng sản nhưng không phát triển, vì những quốc gia đó vẫn còn tồn tại nhiều đặc điểm về cấu trúc của một xã hội truyền thống.
- Những quốc gia đang phát triển có rất nhiều kiểu kinh nghiệm về lịch sử khác nhau và những điểm khác nhau trong kinh nghiệm về lịch sử ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển hiện tại. Một số quốc gia là những thuộc địa, biên giới của những thuộc địa này gồm sự đa dạng của các nhóm các quốc gia và những nền văn hóa không có lịch sử cùng nhau

làm việc và quản trị. Những quốc gia khác có kinh nghiệm hàng thế kỷ về sự thống nhất văn hóa và chính trị. Một số quốc gia đang phát triển có một lịch sử giáo dục lâu dài, ít nhất là cho thành phần thượng đẳng, trong khi những quốc gia khác, kể cả thành phần thượng đẳng thì hầu như thất học.

- May mắn thay, những quốc gia đang phát triển ngày nay không cần theo đúng chính xác kinh nghiệm phát triển của những quốc gia phát triển đầu tiên của Tây Âu và Bắc Mỹ nữa, những nơi ít phát triển của châu Âu (ví dụ, nước Nga) đã theo đúng kinh nghiệm phát triển của nước Anh (với mỗi cái-gọi-là điều kiện tiên quyết để sự phát triển diễn ra thì thường có một hay nhiều kiểu thay thế để sử dụng).